

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H**

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Mạnh Q, sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Số nhà 15 N, phường H, thành phố H, tỉnh H;

Nơi làm việc: Công an xã M, huyện P, tỉnh H.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1999;

Địa chỉ: thôn P, thị trấn A, huyện A, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/6/2021;

Hiện cháu N đang ở với chị A tại thôn P, thị trấn A, huyện A, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp của cháu N: Anh Bùi Mạnh Q và chị Nguyễn Thị Ngọc A là bố mẹ đẻ của cháu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Mạnh Q và chị Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P, tỉnh H vào ngày 12/7/2019 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị A là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình vợ

chồng chung sống thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm các vấn đề trong cuộc sống, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Từ tháng 01/2022 cho đến nay, anh Q và chị A sống ly thân, không có cuộc sống chung. Đến nay, anh Q và chị A đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận ly hôn cho anh Q và chị A.

[2] Về con chung: Anh Q và chị A có một con chung là cháu Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/6/2021; hiện đang ở với chị A. Anh Q và chị A thỏa thuận: Giao cháu N cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Q tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung, mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng cây: Anh Q và chị A đều khẳng định anh, chị không có gì; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Mạnh Q và chị Nguyễn Thị Ngọc A thỏa thuận thống nhất anh Q tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 13/5/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Mạnh Q và chị Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Q và chị A có một con chung là cháu Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/6/2021; hiện đang ở với chị A. Anh Q và chị A thỏa thuận: Giao cháu N cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. A Q tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung, mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Q không thi hành theo thỏa thuận thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh Q và chị A đều khẳng định anh, chị không có gì; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Mạnh Q và chị Nguyễn Thị Ngọc A thỏa thuận thống nhất anh Q tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006114 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, anh Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND thị trấn T;
- (GCNKH số 26 ngày 12/7/2019);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q